

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 383/2026/DS-PT

Ngày: 24 - 04 - 2026

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5- Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 282/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 322/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Danh Kha N**, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp F, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang).

Địa chỉ liên hệ: Số D, đường M, phường P, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N1 - Luật sư của Văn phòng L, thuộc đoàn luật sư thành phố C. Địa chỉ: Số C, đường V, khóm A, phường S, Thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- **Bị đơn:** 1. Ông **Diên V**, sinh năm 1955

2. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Số D, đường S, phường S, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Khánh T**, sinh năm 1976 (Có mặt). Địa chỉ: Số C, đường N, phường P, thành phố Cần Thơ.

**Người làm chứng:*

+ Ông Thạch T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp P, xã A, Thành phố Cần Thơ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Châu K, bà Lâm Thị H1. Địa chỉ: Ấp A, ấp P, xã A, Thành phố Cần Thơ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Danh K1 Nay

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Danh K1 Nay trình bày ý kiến:*

Trước đây cha mẹ vợ của ông là ông Điền V, bà Trần Thị H có cầm cố cho vợ chồng ông Châu K, bà Lâm Thị H1 02 công đất ruộng để lấy 01 lượng vàng 24K, đến khoảng năm 2008 đến thời hạn chuộc lại đất thì ông V, bà H không có vàng trả cho vợ chồng ông K, bà H1 nên đã kêu vợ chồng ông chuộc lại đất và hứa cho vợ chồng ông 02 công đất này, nên vợ chồng ông đồng ý chuộc lại 02 công đất và trả cho vợ chồng ông K, bà H1 01 lượng vàng 24K. Sau đó, vợ chồng ông đã canh tác 02 công đất này được khoảng 04 năm thì do vợ ông là bà Điền Thị Ni R bệnh nặng, nên ông đã cầm 02 công đất ruộng này cho ông Thạch T1 (Thưol) để lấy số tiền 25.000.000 đồng điều trị bệnh cho vợ ông, nhưng sau đó vợ ông chết và ông bỏ về quê ở Kiên Giang sinh sống. Đến đầu năm 2025, thì ông biết được cha mẹ vợ của ông đã chuộc lại 02 công đất ruộng với số tiền 35.000.000 đồng, nên ông đã xin lại 02 công đất ruộng mà cha mẹ vợ đã hứa cho vào năm 2008, nhưng cha mẹ vợ không giữ lời hứa, không cho ông 02 công đất ruộng như đã hứa. Vì vậy, nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Điền V, bà Trần Thị H trả lại cho ông 01 lượng vàng 24K và ông đồng ý trả lại cho ông Điền V, bà Trần Thị H số tiền 35.000.000 đồng.

** Theo đơn đề nghị ngày 12/8/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Khánh T trình bày ý kiến:*

Bị đơn ông Điền V, bà Trần Thị H không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện đòi lại 01 lượng vàng 24K của ông Danh K1 Nay và yêu cầu Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì, từ trước đến nay ông Điền V, bà Trần Thị H không có hứa hẹn hoặc cho tặng ông Danh K1 Nay 02 công ruộng

như ông N trình bày. Tại thời điểm ông Danh K1 Nay còn làm rể của ông Điền V, bà Trần Thị H thì ông bà có cho vợ chồng ông N mượn 02 công ruộng để canh tác và sau đó ông N thiếu nợ nên lén lút lấy đất của ông bà đi thế chấp để vay số tiền 25.000.000 đồng. Sau khi vợ của ông N là bà Điền Thị Ni R chết thì ông N không còn ở rể và bỏ về quê tại Kiên Giang ở, để lại 02 con còn nhỏ cho ông bà nuôi cháu ngoại cho đến nay. Sau khi ông N bỏ đi, ông bà còn phải bỏ ra số tiền 35.000.000 đồng để trả số tiền vốn, lãi mà ông N đã vay của người khác trước đó.

** Tại phiên hòa giải ngày 12/8/2025, người làm chứng bà Lâm Thị H1 trình bày:*

Trước năm 2008, thì bà có nhận có 02 công đất ruộng của vợ chồng ông Điền V, bà Trần Thị H với 01 lượng vàng 24K, sau đó vào khoảng năm 2008, bà không nhớ thời gian cụ thể thì bà Điền Thị Ni R là con của ông Điền V, bà Trần Thị H có đứng ra trả lại cho bà 01 lượng vàng 24K, để chuộc lại 02 công đất của ông Điền V, bà Trần Thị H.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng ông Thạch T1 trình bày:* Trước đây ông có nhận có 02 công đất ruộng từ ông Danh K1 Nay với số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn có đất 02 năm, có làm giấy tờ tay nhưng lâu quá ông không nhớ thời gian cụ thể, sau đó thì ông có lại 02 công đất ruộng này cho ông La T2 với số tiền 25.000.000 đồng, còn ông La T2 cho ông Điền V, bà Trần Thị H chuộc lại đất hay chưa thì ông không biết.

** Tại Bản án số: 88/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ đã tuyên xử:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh K1 Nay đối với bị đơn ông Điền V, bà Trần Thị H về việc đòi lại tài sản là 01 lượng vàng 24K.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

** Ngày 13/10/2025, nguyên đơn ông Danh K1 Nay có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Điền V và bà Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số vàng 01 lượng vàng 24K.*

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

** Nguyên đơn ông Danh K1 Nay: Vẫn giữ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*

Bị đơn không thừa nhận việc ông Điền V, bà Trần Thị H có hứa hẹn cho ông Danh K1 Nay 02 công đất ruộng, cũng như có việc cầm cố đất hay chuộc đất với 01 lượng vàng 24K. Tuy nhiên, các vấn đề này có vợ chồng ông Châu K, bà Lâm Thị H1 xác nhận và cũng như tại phiên tòa sơ thẩm có người làm chứng ông Thạch T1 xác nhận có việc nhận cầm cố 02 công đất ruộng của ông Danh K1 Nay với số tiền 25.000.000 đồng và hiện nay vợ chồng ông Điền V, bà H đã chuộc lại 02 công đất ruộng này. Theo tập quán ở M thì việc cầm cố đất bằng vàng thì phải trả bằng vàng, cầm cố đất bằng tiền thì trả bằng tiền. Việc ông Thạch T1 nhận cầm cố đất của ông N nhưng lại cho vợ chồng ông Điền V, bà H chuộc lại đất là không đúng, vì giữa hai bên không có xác lập giao dịch cầm cố đất với nhau. Nhưng xét về các giao dịch cầm cố đất với nhau giữa các bên là đều vô hiệu, do quyền sử dụng đất không phải là chủ thể của giao dịch dân sự này, vì quyền sử dụng đất không được cầm cố theo luật định. Việc bị đơn cho rằng 01 lượng vàng chuộc đất là của vợ chồng ông Điền V, bà H đưa tiền cho con là bà Ni R đi mua để chuộc lại đất nhưng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh vấn đề này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận sửa án sơ thẩm.

Ngoài ra, luật sư nguyên đơn đề nghị hủy án do vi phạm tố tụng về việc không đưa người liên quan là những người cầm cố đất vào tham gia tố tụng.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Khánh T trình bày ý kiến:* Bị đơn không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông N và yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn. Bởi vì, từ trước đến nay ông Điền V, bà H không có hứa hẹn hoặc cho tặng ông N 02 công ruộng như ông N trình bày. Tại thời điểm ông N còn làm rể của ông Điền V, bà H thì ông bà có cho vợ chồng ông N mượn 02 công ruộng để canh tác và sau đó ông N thiếu nợ nên lén lút lấy đất của ông bà đi thế chấp để vay số tiền 25.000.000 đồng. Sau khi vợ của ông N là bà Ni R chết thì ông N không còn ở rể và bỏ về quê tại Kiên Giang ở, để lại 02 con còn nhỏ cho ông bà nuôi cháu ngoại cho đến nay. Sau khi ông N bỏ đi, ông bà còn phải bỏ ra số tiền 35.000.000 đồng để trả số tiền vốn lãi mà ông N đã cầm cố đất của người khác trước đó.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn ông Danh K1 Nay đòi với bị đơn ông Điền V, bà Trần Thị H về việc đòi lại 01 lượng vàng 24K, do nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để xem xét lại.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ Y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Đòi lại tài sản”, bị đơn có địa chỉ tại phường S, thành phố Cần Thơ, nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Những người làm chứng ông Châu K, bà Lâm Thị H1 và ông Thạch T1 vắng mặt và có đơn đề nghị xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét Nguyên đơn kháng cáo cũng là yêu cầu cầu khởi kiện, thấy rằng:

[2.1]. Nguyên đơn ông Danh K1 Nay không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh việc các bị đơn ông Điền V, bà Trần Thị H mượn vợ chồng ông D Kha Nay 01 lượng vàng 24K để chuộc lại 02 công đất ruộng, ngoài lời xác nhận làm chứng của vợ chồng ông Châu K, bà Lâm Thị H1. Vì vậy, phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc không đưa ra đủ chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Danh K1 Nay cũng trình bày, sau khi vợ chồng ông chuộc lại 02 công đất ruộng vào khoảng năm 2008 thì vợ chồng ông canh tác 02 công đất ruộng này cho đến năm 2013 (canh tác được khoảng 04 năm), đến khi vợ của ông là bà Điền Thị Ni R lâm bệnh nặng thì ông

đã cầm cố 02 công đất ruộng này để vay tiền người khác với số tiền 25.000.000 đồng và sau đó bà N2 Ri chết, ông N bỏ về quê Kiên Giang ở và vợ chồng ông Điền V, bà Trần Thị H phải đứng ra trả số tiền vốn, lãi mà ông N đã cầm cố đất với tổng số tiền là 35.000.000 đồng.

[2.3]. Vì vậy, nếu so sánh giá trị 01 lượng vàng 24K tại thời điểm năm 2008 mà vợ chồng ông D Kha N, bà Điền Thị Ni R nếu có bỏ ra để chuộc lại 02 công đất và đã canh tác 02 công đất này trong thời gian 04 năm và sau đó cầm cố cho người khác để vay lấy số tiền 25.000.000 đồng thì phía vợ chồng ông Danh K1 Nay không có thiệt thòi so với vợ chồng ông Điền V, bà Trần Thị H, bởi lẽ giá trị 01 lượng vàng 24K tại thời điểm năm 2008 khoảng 17.800.000 đồng/lượng.

[2.4]. Từ những nhận định, phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh K1 Nay đối với bị đơn ông Điền V, bà Trần Thị H, về việc đòi lại 01 lượng vàng 24K là có cơ sở.

[3]. Xét thấy, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[4]. Quan điểm của luật sư nguyên đơn đề nghị hủy án do vi phạm tố tụng về việc không đưa người liên quan là những người cầm cố đất là không có căn cứ để xem xét hủy án vì cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ lời khai và đủ điều kiện để xét xử; về nội dung yêu cầu sửa án như phân tích nêu trên nên yêu cầu này cũng không có cơ sở để chấp nhận.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Danh K1 Nay: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 88/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh K1 Nay đối với bị đơn ông Điền V, bà Trần Thị H về việc đòi lại tài sản là 01 lượng vàng 24K.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Danh K1 Nay có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, số tiền án phí phải chịu là 6.203.000 đồng (*sáu triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.625.000 đồng (*hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000474 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Cần Thơ), còn lại số tiền 3.578.000 đồng (*ba triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) ông Danh K1 Nay có nghĩa vụ tiếp tục nộp theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Danh K1 Nay phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai số 0005243 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2026).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 5 - Cần Thơ
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Minh Trang

